

Số: 1001/QĐ-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 12 tháng 04 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật
của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;


Căn cứ Nghị định số 01/2023/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 765/QĐ-BVHTTDL ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy chế xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Công TT điện tử Bộ VHTTDL;
- Lưu: VT, PC, QC.50.

BỘ TRƯỞNG




Nguyễn Văn Hùng

QUY CHẾ
XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
CỦA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BVHTTDL ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành, liên tịch ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành.

2. Văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Quy chế này bao gồm:

- Luật, Nghị quyết của Quốc hội;
- Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Nghị định của Chính phủ;
- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

đ) Thông tư của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (sau đây gọi là Thông tư), Thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước để quy định về việc phối hợp trong việc thực hiện trình tự, thủ tục tố tụng và phòng chống tham nhũng có liên quan đến lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể thao, du lịch (sau đây gọi là Thông tư liên tịch).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các Cục, Vụ, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ, Ban Quản lý Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam (sau đây gọi là các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ); các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 3. Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước

Việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

Điều 4. Trách nhiệm chỉ đạo, xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Bộ trưởng chỉ đạo toàn diện công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ngày 18/6/2022 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ.

2. Các Thứ trưởng chỉ đạo công tác xây dựng, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật; chỉ đạo, đôn đốc đối với cơ quan, đơn vị thuộc Bộ được giao chủ trì soạn thảo về tiến độ, nội dung, các vấn đề phức tạp, các vấn đề còn ý kiến khác nhau đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về việc bảo đảm tiến độ và chất lượng soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực được phân công phụ trách.

3. Trường hợp trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật có nội dung phức tạp hoặc nhiều ý kiến khác nhau, chưa thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ được giao chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật với Vụ Pháp chế, Văn phòng Bộ (trong kiểm soát thủ tục hành chính) thì Vụ Pháp chế phối hợp với cơ quan, đơn vị thuộc Bộ đề nghị Lãnh đạo Bộ chủ trì họp với các cơ quan, đơn vị để thảo luận và thống nhất hoặc báo cáo Bộ trưởng xem xét lấy ý kiến của Ban Cán sự Đảng về những vấn đề đó trước khi quyết định.

Chương II

ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Mục 1. ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT, NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI, PHÁP LỆNH, NGHỊ QUYẾT CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Điều 5. Đăng ký nhiệm vụ lập đề nghị xây dựng luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội vào Chương trình công tác năm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

1. Nhiệm vụ lập đề nghị xây dựng luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch được Bộ trưởng giao cho các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì thực hiện dựa trên các căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Việc đăng ký lập đề nghị xây dựng luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội vào Chương trình công tác năm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ do các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ thực hiện bằng văn bản gửi Văn phòng Bộ trước ngày 20 tháng 10 của năm trước năm xây dựng đề nghị.

Nội dung văn bản nêu rõ: Tên gọi, căn cứ xây dựng, sự cần thiết, định hướng nội dung, phạm vi điều chỉnh, cơ quan thẩm định, theo dõi, cấp trình, thời hạn trình xác định cụ thể đến từng tháng và sản phẩm.

Trên cơ sở văn bản đăng ký của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Văn phòng Bộ tổng hợp trình Bộ trưởng gửi Văn phòng Chính phủ trước ngày 15 tháng 11 hằng năm theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Quy chế làm việc của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị định số 39/2022/NĐ-CP.

Điều 6. Lập đề nghị xây dựng luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Trước khi lập đề nghị xây dựng luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo phải thực hiện các hoạt động chuẩn bị cho việc lập đề nghị theo quy định tại Khoản 1 Điều 34 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ được Bộ trưởng giao nhiệm vụ lập đề nghị phải xây dựng nội dung chính sách, đánh giá tác động của chính sách theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 35 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, các điều 5, 6, 7, 8 và 9 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP), được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi là Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) và chuẩn bị hồ sơ đề nghị theo quy định tại Điều 37 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Hồ sơ đề nghị do các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo trước khi trình Lãnh đạo Bộ để tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan ngoài Bộ hoặc để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ (theo quy định tại Khoản 3 Điều 34, khoản 1 Điều 36 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Điều 10 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP) phải lấy ý kiến của Vụ Pháp chế và các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có liên quan. Trường hợp có nội dung về thủ tục hành chính, cơ quan, đơn vị soạn thảo phải lấy ý kiến của Văn phòng Bộ.

Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Quy chế này.

Điều 7. Gửi hồ sơ đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định

1. Việc gửi hồ sơ đến Bộ Tư pháp để thẩm định thực hiện theo Điều 37 và Khoản 2 Điều 39 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo chịu trách nhiệm về hồ sơ gửi Bộ Tư pháp. Sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, chủ trì nghiên cứu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ đề nghị; Dự thảo Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp trình Bộ trưởng xem xét đề trình Chính phủ. Hồ sơ đề nghị đã được chỉnh lý và Báo cáo tiếp thu, giải trình ý

kiến thẩm định được gửi Bộ Tư pháp theo quy định tại Khoản 5 Điều 39 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 8. Trình Chính phủ xem xét, thông qua đề nghị xây dựng luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ quốc hội

1. Chậm nhất 20 ngày trước ngày tổ chức phiên họp của Chính phủ theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo có trách nhiệm báo cáo Lãnh đạo Bộ trình Chính phủ hồ sơ đề nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 40 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Sau khi Chính phủ họp cho ý kiến, trên cơ sở nghị quyết của Chính phủ thông qua đề nghị, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo có trách nhiệm chỉnh lý hồ sơ đề nghị và trình hồ sơ đã được chỉnh lý theo Nghị quyết của Chính phủ để Lãnh đạo Bộ xem xét, gửi Bộ Tư pháp theo thời hạn chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 hằng năm theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP để lập đề nghị của Chính phủ về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh cho năm sau hoặc năm tiếp theo của năm sau (năm dự kiến trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội).

Mục 2. ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Điều 9. Lập đề nghị xây dựng nghị định

1. Trước khi xây dựng nghị định của Chính phủ theo quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ phải thực hiện các thủ tục lập đề nghị.

Nhiệm vụ lập đề nghị xây dựng nghị định của Chính phủ trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch được Bộ trưởng giao cho các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì thực hiện theo phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, theo đề xuất của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ hoặc kiến nghị của tổ chức, cá nhân theo quy định tại Khoản 2 Điều 84 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại khoản 18 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ được Bộ trưởng giao nhiệm vụ lập đề nghị thực hiện đăng ký đề nghị xây dựng nghị định vào Chương trình công tác của Chính phủ theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Quy chế này.

3. Đối với trường hợp lập đề nghị xây dựng nghị định theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm thực hiện các hoạt động theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 85 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều 87 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi bổ sung tại Khoản 20 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo có trách nhiệm lấy ý kiến của Vụ Pháp chế và các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có liên quan, Văn phòng Bộ (nếu

có quy định về thủ tục hành chính); Nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, báo cáo Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực chuyên môn để chỉnh lý hồ sơ trình Bộ trưởng xem xét trước khi trình Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Quy chế này.

4. Đối với trường hợp lập đề nghị xây dựng nghị định theo quy định tại Khoản 3 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm thực hiện các hoạt động theo quy định tại các khoản 1,2 và 3 Điều 85 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 19 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 87 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức lấy ý kiến theo quy định tại khoản 5 Điều 85 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi bổ sung tại điểm b Khoản 19 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Trước khi trình hồ sơ báo cáo Lãnh đạo Bộ lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân ngoài Bộ hoặc để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo có trách nhiệm lấy ý kiến của Vụ Pháp chế và các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có liên quan, lấy ý kiến Văn phòng Bộ (nếu có quy định về thủ tục hành chính); Nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, báo cáo Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực chuyên môn để chỉnh lý hồ sơ trình Bộ trưởng xem xét trước khi gửi Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

Điều 10. Gửi hồ sơ đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định

Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo đề nghị xây dựng nghị định quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm gửi hồ sơ đến Bộ Tư pháp để thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều 88 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghiên cứu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng nghị định để trình Chính phủ theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Quy chế này.

Điều 11. Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, thông qua đề nghị

1. Đối với đề nghị xây dựng nghị định theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo có trách nhiệm trình hồ sơ đề nghị xây dựng nghị định để Lãnh đạo Bộ xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Khoản 1 Điều 89 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Đối với đề nghị xây dựng nghị định theo quy định tại Khoản 3 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì

soạn thảo có trách nhiệm trình hồ sơ đề nghị xây dựng nghị định để Lãnh đạo Bộ xem xét, trình Chính phủ theo quy định tại Khoản 1 Điều 89 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Chương III **XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

Mục 1. XÂY DỰNG LUẬT, NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI, PHÁP LỆNH, NGHỊ QUYẾT CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Điều 12. Kế hoạch xây dựng luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Căn cứ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về giao nhiệm vụ cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì soạn thảo dự án luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo có trách nhiệm chịu trách nhiệm soạn thảo Kế hoạch xây dựng văn bản theo mẫu tại Phụ lục kèm theo Quy chế này, lấy ý kiến của Vụ Pháp chế, báo cáo Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực chuyên môn cho ý kiến trước khi trình Bộ trưởng xem xét, quyết định để tổ chức triển khai thực hiện.

2. Nội dung Kế hoạch căn cứ vào các nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo theo quy định tại Điều 55 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, có thời gian hoàn thành theo tháng và sản phẩm cụ thể.

3. Kế hoạch xây dựng luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội được gửi Vụ Pháp chế 01 bản để theo dõi, đôn đốc.

Điều 13. Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo có trách nhiệm phối hợp với Vụ Pháp chế tham mưu giúp Bộ trưởng quyết định thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Thành phần Ban soạn thảo thực hiện theo quy định tại Điều 53 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, theo đó Bộ trưởng là Trưởng ban soạn thảo, Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực chuyên môn là Phó Trưởng ban soạn thảo và các thành viên khác.

Nhiệm vụ của Ban soạn thảo, Trưởng Ban soạn thảo, thành viên Ban soạn thảo thực hiện theo quy định tại Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Thành phần Tổ biên tập, nhiệm vụ của Tổ biên tập thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, theo đó Tổ trưởng Tổ biên tập là thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ được giao chủ trì soạn thảo.

Điều 14. Lấy ý kiến trong quá trình soạn thảo luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Trong quá trình soạn thảo, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định tại Điều 57 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo có trách nhiệm gửi văn bản lấy ý kiến góp ý của Vụ Pháp chế và các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có liên quan. Trường hợp dự thảo có quy định về thủ tục hành chính, phải lấy ý kiến của Văn phòng Bộ.

Khi được đề nghị tham gia ý kiến, Vụ Pháp chế và cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị góp ý kiến. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị góp ý kiến phải chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về việc không tham gia hoặc chậm tham gia ý kiến và các vướng mắc, phát sinh (nếu có) liên quan đến nội dung thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị mình.

3. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổng hợp, nghiên cứu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; sau khi tổng hợp có ý kiến của Vụ Pháp chế trước khi báo cáo Thủ trưởng phụ trách lĩnh vực chuyên môn đề trình Bộ trưởng quyết định.

Điều 15. Hoàn chỉnh hồ sơ xây dựng luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội gửi Bộ Tư pháp thẩm định

1. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo chịu trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ xây dựng luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội trình Bộ trưởng quyết định để gửi Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định tại Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Hồ sơ gửi Bộ Tư pháp thẩm định phải được gửi Vụ Pháp chế và Thủ trưởng phụ trách lĩnh vực chuyên môn cho ý kiến trước khi trình Bộ trưởng quyết định.

3. Trên cơ sở các ý kiến góp ý, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo có trách nhiệm hoàn chỉnh lần cuối hồ sơ gửi Bộ Tư pháp thẩm định (kèm theo các ý kiến góp ý) trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

Điều 16. Hoàn chỉnh hồ sơ xây dựng luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội để trình Chính phủ

1. Căn cứ ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo chịu trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu, lấy ý kiến phối hợp của Vụ

Pháp chế, hoàn chỉnh hồ sơ để trình Chính phủ theo quy định tại Điều 59 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Hồ sơ trình Chính phủ phải được gửi đến Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực chuyên môn cho ý kiến trước khi trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

Điều 17. Chỉnh lý dự án, dự thảo luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội sau khi Chính phủ cho ý kiến

Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo chịu trách nhiệm chủ trì tiếp thu, phối hợp với Vụ Pháp chế để triển khai việc chỉnh lý dự án, dự thảo sau khi Chính phủ cho ý kiến theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, hoàn chỉnh hồ sơ trình Bộ trưởng thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình Quốc hội hoặc Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Mục 2. XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ, QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Điều 18. Kế hoạch xây dựng nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ

1. Căn cứ Nghị quyết của Chính phủ về đề nghị xây dựng nghị định, văn bản của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chủ trì xây dựng quyết định của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là quyết định), cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo chịu trách nhiệm soạn thảo Kế hoạch xây dựng văn bản theo mẫu tại Phụ lục kèm theo Quy chế này, lấy ý kiến Vụ Pháp chế, báo cáo Thứ trưởng phụ trách chuyên môn cho ý kiến trước khi trình Bộ trưởng xem xét, quyết định để tổ chức triển khai thực hiện.

2. Nội dung Kế hoạch căn cứ vào các nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản theo quy định tại Điều 90 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 23 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Điều 97 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, có thời gian hoàn thành theo tháng và sản phẩm cụ thể.

3. Kế hoạch xây dựng nghị định, quyết định được gửi Vụ Pháp chế 01 bản để theo dõi, đôn đốc.

Điều 19. Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập dự thảo nghị định, quyết định

1. Căn cứ từng trường hợp cụ thể, trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng quyết định việc thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập dự thảo Nghị định, Quyết định.

2. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo có trách nhiệm phối hợp với Vụ Pháp chế tham mưu giúp Bộ trưởng quyết định thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập.

3. Thành phần, nhiệm vụ của Ban soạn thảo, Tổ biên tập thực hiện theo quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 13 Quy chế này.

Điều 20. Lấy ý kiến trong quá trình soạn thảo nghị định, quyết định

1. Trong quá trình soạn thảo, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo phải lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân và các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 91 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi bổ sung tại khoản 24 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đối với dự thảo Nghị định) và điểm d khoản 2 Điều 97 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đối với dự thảo Quyết định).

2. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo có trách nhiệm gửi văn bản lấy ý kiến góp ý của Vụ Pháp chế và các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có liên quan. Trường hợp dự thảo văn bản có quy định về thủ tục hành chính, phải lấy ý kiến của Văn phòng Bộ.

Khi được đề nghị tham gia ý kiến, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý kiến. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị góp ý kiến phải chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về việc không tham gia hoặc chậm tham gia ý kiến và các vướng mắc, phát sinh (nếu có) liên quan đến nội dung thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị mình.

3. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo chịu trách nhiệm tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân, lấy ý kiến Vụ Pháp chế, báo cáo Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực chuyên môn trước khi trình Bộ trưởng quyết định.

Điều 21. Hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo nghị định, quyết định gửi Bộ Tư pháp thẩm định

Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo nghị định, quyết định theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại khoản 25 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Đối với hồ sơ dự thảo Nghị định) và khoản 2 Điều 98 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại khoản 27 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Đối với hồ sơ dự thảo Quyết định).

Hồ sơ trước khi gửi Bộ Tư pháp thẩm định phải được Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo gửi Vụ Pháp chế cho ý kiến, trên cơ sở đó tiếp thu, giải trình, báo cáo Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực chuyên môn trước khi trình Bộ trưởng quyết định để gửi Bộ Tư pháp thẩm định.

Điều 22. Hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo nghị định, quyết định để trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

1. Căn cứ ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo chịu trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị định, lấy ý kiến

Vụ Pháp chế đề trình Chính phủ theo quy định tại Điều 93 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Quyết định đề trình Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Điều 99 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Hồ sơ dự thảo Nghị định, Quyết định phải được gửi đến Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực chuyên môn cho ý kiến trước khi trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

Điều 23. Trình Chính phủ xin ý kiến Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc ban hành nghị định quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Đối với nghị định quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trước khi ban hành nghị định, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo, phối hợp với Vụ Pháp chế chuẩn bị hồ sơ, báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định trình Chính phủ hồ sơ nghị định đề Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến theo quy định tại Điều 95 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Mục 3. XÂY DỰNG THÔNG TƯ, THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Điều 24. Kiến nghị, đề xuất xây dựng thông tư

1. Hằng năm, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm chủ động nghiên cứu kiến nghị, đề xuất với Bộ trưởng (qua Vụ Pháp chế) về việc xây dựng Thông tư. Việc kiến nghị, đề xuất thực hiện bằng văn bản.

2. Căn cứ kiến nghị, đề xuất xây dựng thông tư:

a) Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Lệnh, Quyết định của Chủ tịch nước, Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định tại các điều, khoản, điểm giao Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết;

b) Cần có biện pháp để thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch.

c) Kết quả của hoạt động kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, tiếp nhận ý kiến phản ánh, theo dõi thi hành pháp luật, hoặc tổng kết thực tiễn thi hành thông tư.

3. Văn bản kiến nghị, đề xuất xây dựng thông tư phải có các nội dung cơ bản sau:

- a) Tên thông tư;
- b) Sự cần thiết ban hành thông tư;
- c) Căn cứ ban hành;
- d) Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng;

- đ) Nội dung cơ bản của thông tư;
- đ) Thời gian trình Bộ trưởng ban hành;
- e) Đơn vị phối hợp soạn thảo;
- g) Các nội dung khác có liên quan.

4. Văn bản kiến nghị, đề xuất xây dựng thông tư phải được gửi tới Vụ Pháp chế trước ngày 31 tháng 10 của năm trước năm dự kiến ban hành thông tư để tổng hợp vào dự thảo Chương trình xây dựng Thông tư.

Điều 25. Lập Chương trình xây dựng thông tư

1. Vụ Pháp chế có trách nhiệm:

a) Xem xét nội dung kiến nghị, đề xuất xây dựng thông tư, tập trung vào các vấn đề sau: Sự cần thiết, căn cứ pháp lý ban hành văn bản; Tính khả thi, sự phù hợp với hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành và với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; Điều kiện bảo đảm để xây dựng và thực thi văn bản.

Đối với kiến nghị, đề xuất xây dựng thông tư có quy định về thủ tục hành chính (trong trường hợp được giao trong luật của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội), cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì xây dựng thông tư lấy ý kiến của Văn phòng Bộ đối với thủ tục hành chính.

b) Chủ động kiến nghị, đề xuất xây dựng thông tư trong trường hợp cơ quan, đơn vị thuộc Bộ không đề xuất hoặc việc xây dựng Thông tư thuộc phạm vi tham mưu, đề xuất của Vụ Pháp chế.

2. Lập dự thảo Chương trình xây dựng thông tư:

a) Vụ Pháp chế có trách nhiệm lập dự thảo Chương trình xây dựng Thông tư và tổ chức cuộc họp do Bộ trưởng hoặc Thứ trưởng được Bộ trưởng ủy quyền chủ trì với sự tham dự của Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Kế hoạch, Tài chính, Văn phòng Bộ và các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ kiến nghị xây dựng Thông tư để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Chương trình xây dựng Thông tư trước khi trình Bộ trưởng ký quyết định ban hành.

b) Thời gian tổ chức họp: trước ngày 30 tháng 11 của năm trước năm dự kiến ban hành Thông tư.

Điều 26. Ban hành Chương trình xây dựng thông tư

1. Căn cứ kết luận của Lãnh đạo Bộ tại cuộc họp về dự thảo Chương trình xây dựng thông tư, Vụ Pháp chế chỉnh lý, hoàn chỉnh dự thảo Chương trình xây dựng thông tư trình Bộ trưởng ký ban hành trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

2. Căn cứ Chương trình xây dựng thông tư, Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ thực hiện theo dõi, đôn đốc tiến độ xây dựng văn bản, hằng quý có báo cáo Bộ trưởng.

Điều 27. Điều chỉnh Chương trình xây dựng thông tư

1. Các trường hợp đề nghị điều chỉnh:

a) Đưa ra khỏi Chương trình những văn bản chưa cần thiết ban hành hoặc không còn cần thiết ban hành do sự thay đổi về điều kiện kinh tế - xã hội;

b) Lùi thời điểm trình do chậm tiến độ soạn thảo hoặc chất lượng văn bản không bảo đảm;

c) Bổ sung vào Chương trình những văn bản do yêu cầu cấp thiết của việc quản lý hoặc phải sửa đổi phù hợp với các văn bản mới được ban hành.

2. Thủ tục điều chỉnh:

a) Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ đề nghị điều chỉnh phải có văn bản báo cáo Thủ trưởng phụ trách lĩnh vực chuyên môn và Bộ trưởng nêu rõ lý do điều chỉnh (gửi 01 bản qua Vụ Pháp chế để tổng hợp);

b) Vụ Pháp chế có trách nhiệm tổng hợp đề nghị điều chỉnh Chương trình báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định;

Điều 28. Kế hoạch xây dựng thông tư

1. Căn cứ Chương trình xây dựng thông tư đã được Bộ trưởng ban hành, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm soạn thảo Kế hoạch xây dựng thông tư theo mẫu tại Phụ lục kèm theo Quy chế này để triển khai thực hiện. Kế hoạch xây dựng thông tư được gửi Vụ Pháp chế 01 bản để theo dõi, đôn đốc.

2. Nội dung Kế hoạch căn cứ vào các nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo theo quy định tại Điều 101, 102, 104, 110 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và khoản 28, 31 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo quy định tại Điều 25 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và khoản 4 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, có thời gian hoàn thành theo tháng và sản phẩm cụ thể.

Điều 29. Thành lập Tổ soạn thảo thông tư

1. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ đề nghị Bộ trưởng quyết định thành lập Tổ soạn thảo thông tư. Tổ trưởng Tổ soạn thảo là Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo. Các thành viên gồm đại diện cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo, đại diện Vụ Pháp chế, đại diện các Bộ, ngành, cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan.

2. Nhiệm vụ của Tổ soạn thảo thực hiện tương tự nhiệm vụ của Ban soạn thảo dự án Luật.

Điều 30. Lấy ý kiến góp ý dự thảo thông tư

1. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến của các Bộ, ngành, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đối với dự thảo Thông tư theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo có trách nhiệm gửi văn bản lấy ý kiến góp ý của Vụ Pháp chế và các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có liên quan.

Trường hợp dự thảo Thông tư được Luật của Quốc hội, Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội giao quy định chi tiết về thủ tục hành chính, phải lấy ý kiến của Văn phòng Bộ.

Khi được đề nghị tham gia ý kiến, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm trả lời bằng văn bản chậm nhất là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị góp ý kiến phải chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về việc không tham gia hoặc chậm tham gia ý kiến và các vướng mắc, phát sinh (nếu có) liên quan đến nội dung thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị mình.

3. Việc đăng tải nội dung dự thảo thông tư trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân thực hiện như sau:

a) Trước khi gửi đăng tải dự thảo thông tư trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo phải báo cáo và được sự đồng ý của Lãnh đạo Bộ.

b) Trong thời gian đăng tải nội dung dự thảo thông tư (ít nhất 60 ngày, kể từ ngày đăng tải), Cổng thông tin điện tử của Bộ có trách nhiệm tiếp nhận ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân và gửi ý kiến đến cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo.

4. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; ý kiến của Văn phòng Bộ đối với nội dung quy định thủ tục hành chính trong dự thảo Thông tư. Trường hợp không tiếp thu ý kiến góp ý, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo phải giải trình cụ thể.

Việc tiếp thu ý kiến góp ý đối với quy định về thủ tục hành chính được giao quy định trong dự thảo Thông tư phải thể hiện thành một phần riêng trong văn bản tiếp thu, giải trình, gửi Vụ Pháp chế.

Văn bản tiếp thu, giải trình các ý kiến đóng góp về dự thảo thông tư phải được báo cáo Thủ trưởng phụ trách lĩnh vực chuyên môn để cho ý kiến.

Điều 31. Thẩm định dự thảo thông tư

1. Vụ Pháp chế có trách nhiệm tổ chức thẩm định dự thảo thông tư trước khi trình Bộ trưởng xem xét, ký ban hành theo quy định tại Điều 102 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Đề xuất Lãnh đạo Bộ thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định.

Thành phần Hội đồng thẩm định do Vụ Pháp chế chủ trì, có sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học.

2. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị thẩm định tới Vụ Pháp chế. Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 102 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại khoản 28 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Trường hợp hồ sơ thẩm định không đáp ứng yêu cầu theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Vụ Pháp chế đề nghị cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo bổ sung hồ sơ.

3. Nội dung thẩm định thực hiện theo khoản 3 Điều 102 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Báo cáo thẩm định phải được Vụ Pháp chế gửi đến cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ gửi thẩm định theo quy định tại khoản 4 Điều 102 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 32. Trình Bộ trưởng ký ban hành thông tư

Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ dự thảo Thông tư theo quy định tại Điều 103 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại khoản 29 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, báo cáo Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực chuyên môn trước khi trình Bộ trưởng ký ban hành.

Điều 33. Trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành thông tư liên tịch

1. Trong trường hợp Bộ trưởng và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước thỏa thuận, phân công Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì soạn thảo thông tư liên tịch để quy định các vấn đề tại điểm đ khoản 2 Điều 1 Quy chế này, Bộ trưởng quyết định giao cho một cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo.

2. Trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành thông tư liên tịch thực hiện theo quy định tại Điều 110 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 31 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các quy định có liên quan trong Quy chế này.

Điều 34. Xây dựng, ban hành thông tư theo trình tự, thủ tục rút gọn

1. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định hoặc trình Thủ tướng Chính phủ quyết định áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với các trường hợp xây dựng thông tư theo quy định tại Điều 146 và Khoản 3 Điều 147 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi bổ sung tại khoản 44 và 45 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục xây dựng thông tư theo trình tự, thủ tục rút gọn áp dụng theo quy định tại Điều 148 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Hồ sơ trình Bộ trưởng ban hành Thông tư theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 149 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại khoản 47 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 35. Gửi thông tư, thông tư liên tịch để đăng Công báo và cập nhật, đăng tải cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thông tư, thông tư liên tịch được ký ban hành, cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo thuộc Bộ phải gửi 01 bản chính đến cơ quan Công báo Văn phòng Chính phủ và 01 bản điện tử (địa chỉ congbao@chinhphu.vn) theo quy định tại các khoản 1 và 4 Điều 150 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, điểm a khoản 1 Điều 89 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Giá trị pháp lý của văn bản đăng trên Công báo quy định tại Điều 87 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, yêu cầu và tiêu chuẩn văn bản gửi đăng Công báo thực hiện theo Điều 90 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày thông tư, thông tư liên tịch được ký ban hành, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo phải gửi 01 bản giấy và bản điện tử đến Vụ Pháp chế để thực hiện việc cập nhật, đăng tải văn bản trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 16; Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28/5/2015 của Chính phủ về cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật và gửi 01 bản điện tử đến Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Bộ để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 42/2022/NĐ - CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 36. Trách nhiệm phối hợp trong công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo, Vụ Pháp chế, Văn phòng Bộ và các cơ quan, đơn vị khác liên quan có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ trong từng khâu thuộc quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Nội dung, phương thức phối hợp cụ thể thực hiện theo Quy chế làm việc của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 37. Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ trong công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ được giao chủ trì soạn thảo, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan phải trực tiếp chỉ đạo, thực hiện công tác xây dựng pháp luật trong lĩnh vực được giao tham mưu quản lý nhà nước và phải chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về việc bảo đảm tiến độ, chất lượng soạn thảo, tiến độ, chất lượng tham gia ý kiến đối với việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong phạm vi cơ quan, đơn vị mình được giao quản lý.

2. Tổ chức thực hiện đúng trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

3. Bố trí đủ nhân lực, kinh phí và các điều kiện cần thiết khác cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

4. Báo cáo tiến độ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đến Vụ Pháp chế trước ngày 25 hằng tháng.

Điều 38. Trách nhiệm của Vụ Pháp chế

1. Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về việc lập và đôn đốc triển khai Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, về tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật được giao chủ trì soạn thảo hoặc góp ý, thẩm định.

2. Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao năng lực xây dựng, phân tích chính sách, soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật.

3. Làm đầu mối tham mưu Bộ trưởng góp ý kiến về tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật gửi lấy ý kiến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

4. Kịp thời đề xuất, trình Bộ trưởng khen thưởng (qua Vụ Tổ chức cán bộ) đối với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

5. Làm đầu mối giúp Bộ trưởng cập nhật văn bản quy phạm pháp luật trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

Điều 39. Trách nhiệm của Văn phòng Bộ

1. Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ đăng ký và triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn bản Quy phạm pháp luật của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Là đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính, cho ý kiến về kiểm soát thủ tục hành chính đối với văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo có quy định liên quan đến thủ tục hành chính.

Điều 40. Trách nhiệm của Vụ Kế hoạch, Tài chính

Vụ Kế hoạch, Tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm tham mưu việc bố trí đầy đủ kinh phí cho nhiệm vụ góp ý, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật.

Điều 41. Trách nhiệm của Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

Bố trí, phân bổ kinh phí cho các đề tài nghiên cứu khoa học phục vụ việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng văn bản đề xuất, phù hợp với nội dung hướng dẫn xây dựng kế hoạch khoa học, công nghệ hằng năm của Bộ.

Điều 42. Khen thưởng, kỷ luật

1. Cá nhân, cơ quan, đơn vị có thành tích trong công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được xét khen thưởng theo quy định của Nhà nước và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về thi đua, khen thưởng.

2. Cá nhân, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ vi phạm các quy định của pháp luật xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Quy chế này, thì tùy theo nguyên nhân, tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 43. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch do nguồn ngân sách nhà nước bảo đảm và nguồn kinh phí hỗ trợ, tài trợ hợp pháp khác.

Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí tổ chức thẩm định các thông tư, thông tư liên tịch do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành, liên tịch ban hành (bao gồm cả kinh phí họp, nhận xét, báo cáo và các công việc khác liên quan đến công tác thẩm định) do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ được giao chủ trì soạn thảo bố trí để thực hiện hoạt động thẩm định theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Điều khoản chuyển tiếp

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định của các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 45. Tổ chức thực hiện

Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này./.

Phụ lục
MẪU QUYẾT ĐỊNH VÀ KẾ HOẠCH
XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
(Kèm theo Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-BVHTTDL
ngày ... tháng ... năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-BVHTTDL Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch xây dựng(Tên văn bản quy phạm pháp luật)

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm;

Căn cứ Nghị định số của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng năm ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch xây dựng.....(tên văn bản quy phạm pháp luật).

Điều 2.

Điều 3. Kinh phí thực hiện.....

Điều 4. chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu:,(.....).

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ
CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký và dấu)

Họ và tên

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Xây dựng(tên văn bản quy phạm pháp luật)
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ- ngày tháng..... năm
của)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

2. Yêu cầu

II. NỘI DUNG

STT	Nội dung công việc¹	Dự kiến tiến độ và thời gian hoàn thành²	Kết quả thực hiện³
1	Xây dựng Kế hoạch, trình ban hành	Tháng .../...	
2	Xây dựng dự toán kinh phí	Tháng .../...	
3	Nghiên cứu các tài liệu tham khảo/ Tổ chức khảo sát, học hỏi kinh nghiệm...	Tháng .../...	
4	Thành lập Ban soạn thảo/Tổ biên tập	Tháng .../...	
5	Xây dựng đề cương chi tiết dự thảo		
6	Tổ chức họp Ban soạn thảo/Tổ biên tập		
7	Xây dựng dự thảo văn bản; Xây dựng dự thảo Tờ trình	Tháng .../...	
8	Tổ chức rà soát, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; Đánh giá thủ tục hành chính (nếu có); Đánh giá về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới ...và dự thảo các Báo cáo liên quan	Từ tháng .../... đến tháng .../...	
9	- Chuẩn bị hồ sơ để xin ý kiến các cơ quan, đơn vị - Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan,	Từ tháng .../... đến tháng .../...	

	tổ chức, cá nhân có liên quan - Đăng tải dự thảo văn bản trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch để lấy ý kiến của tổ chức, cá nhân (60 ngày).		
10	Tổng hợp, nghiên cứu, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý	Từ tháng .../... đến tháng .../...	
11	Tổ chức các buổi họp Ban Soạn thảo/Tổ Biên tập	Từ tháng .../... đến tháng.../...	
12	Tổ chức các buổi khảo sát, đánh giá; Tổ chức truyền thông chính sách...	Từ tháng .../... đến tháng.../...	
13	Tổ chức các Hội nghị/Hội thảo/Tọa đàm/họp tham vấn ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học, các đối tượng chịu sự điều chỉnh trực tiếp hoặc các cơ quan, tổ chức có liên quan	Từ tháng .../... đến tháng .../...	
14	Nghiên cứu giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý từ Hội thảo/Hội nghị/Tọa đàm/họp hoặc từ các hình thức lấy ý kiến khác để bổ sung, hoàn thiện Hồ sơ trước khi gửi thẩm định	Từ tháng .../... đến tháng .../...	
15	Gửi Hồ sơ đề nghị thẩm định	Tháng .../...	
	Tiếp thu, giải trình, hoàn thiện Hồ sơ theo ý kiến thẩm định để trình Bộ trưởng ký ban hành (đối với Thông tư, Thông tư liên tịch) hoặc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đối với văn bản do cấp trên ban hành	Tháng .../...	
16	Trình Chính phủ/Thủ tướng Chính phủ Hồ sơ	Tháng .../...	
17	Tiếp thu ý kiến của Chính phủ, hoàn thiện Hồ sơ trước khi trình Chính phủ/Thủ tướng Chính phủ ký ban hành văn bản thuộc thẩm quyền hoặc trình Chính phủ hồ sơ để Chính phủ trình (đối với văn bản thuộc thẩm quyền ban hành/hoặc cho ý	Tháng .../...	

	kiến ban hành của Quốc hội/Ủy ban thường vụ quốc hội)		
18	Gửi Hồ sơ đến các cơ quan có thẩm quyền của Quốc hội để thẩm tra theo quy định	Tháng .../...	
19	Tiếp thu ý kiến, hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của Cơ quan thẩm tra của Quốc hội	Tháng .../...	
20	Trình Hồ sơ đến Ủy ban thường vụ Quốc hội	Tháng .../...	
21	Tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa Hồ sơ theo ý kiến của Ủy ban thường vụ Quốc hội	Tháng .../...	
22	Trình Quốc hội cho ý kiến	Kỳ họp thứ.... tháng .../...	
23	Chỉnh lý dự án/dự thảo giữa 02 kỳ họp	Từ tháng .../...đến tháng .../...	
24	Trình Quốc hội/Ủy ban thường vụ quốc hội thông qua văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Quốc hội/Ủy ban thường vụ quốc hội	Kỳ họp thứ... tháng/....	

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện

2. Trách nhiệm thực hiện

Ghi chú:

¹ Cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo có thể lựa chọn, bổ sung các nội dung công việc và thứ tự thực hiện các công việc phù hợp với từng loại văn bản quy phạm pháp luật được giao xây dựng.

² Trong khoảng thời gian nhất định, có thể kết hợp nhiều công việc để bảo đảm tiến độ xây dựng văn bản.

³ Kết quả thực hiện nêu rõ sản phẩm.